

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH TRƯỜNG TIỂU HỌC VĂN THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Thông tin chung:

Năm 1977, trường mang tên: Trường cấp 1,2 Văn Thành. Từ năm học 1991-1992, UBND (ủy ban nhân dân) huyện tách trường cấp 1,2 Văn Thành thành hai trường cấp 1: Trường cấp 1 Văn Thành 1 và trường cấp 1 Văn Thành 2. Năm 1995, trường cấp 1 được đổi tên thành trường tiểu học.

Từ năm học 2008-2009, trường tiểu học Văn Thành được sáp nhập từ Trường tiểu học số 1 Văn Thành và Trường tiểu học số 2 Văn Thành. Trường thuộc vùng đồng bằng của huyện Yên Thành nằm cạnh tuyến đường 538, trên địa bàn xóm Minh Xuân, xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, cách Thị trấn Yên Thành khoảng 3 km về phía Nam. Trường tọa lạc trên địa bàn dân cư khá ổn định, gồm có 9 xóm sống tương đối tập trung. Phía Bắc giáp xã Phúc Thành; Phía Nam giáp Thị Trấn và Hoa Thành; phía Tây giáp xã Tăng Thành; Phía Đông giáp xã Hợp Thành. Điều kiện kinh tế địa phương khá phát triển, đa số người dân làm nghề nông nhưng lại quan tâm đầu tư cho việc học hành.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với thực tế theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều có kế hoạch và các quy chế hoạt động rõ ràng, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng mục tiêu giáo dục hiện nay của bậc học. Nhà trường có 2 điểm trường cách nhau 3km với tổng diện tích 21.767 m². Điểm trường chính-khu vực 1 (KV1) có diện tích 15.695 m², tọa lạc trên địa bàn xóm Minh Xuân, xã Văn Thành; điểm trường lẻ-khu vực 2 (KV2) có diện tích 6.072 m², tọa lạc trên địa bàn xóm Yên Thịnh, xã Văn Thành.

Năm học 2024 - 2025, nhà trường có tổng số 24 lớp với 703 học sinh; có đầy đủ các khối lớp học từ khối 1 đến khối 5; bình quân mỗi lớp học không quá 35 học sinh; mỗi lớp có cơ cấu tổ chức bộ máy chặt chẽ theo Điều lệ trường tiểu học. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 37, trong đó quản lý: 3, giáo viên: 31, nhân viên: 3; Đảng viên: 22; trình độ giáo viên đạt chuẩn 37/37 đạt 100%. Biên chế: 37. Trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập: 27 phòng học trong đó 24 phòng học văn hóa và 5 phòng chức năng (phòng Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh,

phòng Tin học); khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật đảm bảo; trang thiết bị tương đối hiện đại; đủ để đáp ứng được yêu cầu trong dạy học hiện nay. Địa bàn trường nằm trên khu vực bằng phẳng, khuôn viên của trường được thiết kế hài hòa, phù hợp với mô hình sư phạm, cảnh quan luôn xanh – sạch – đẹp và an toàn.

Trường có khuôn viên khá rộng, thoáng, với cơ cấu có công trường, biên trường, tường rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập đảm bảo cho việc phục vụ dạy và học. Hệ thống cây xanh bồn cỏ, bồn hoa luôn đảm bảo môi trường xanh -sạch - đẹp. Với hệ thống phòng học, bàn ghế, bàn ghế từ đồ dùng, ánh sáng, quạt mát đảm bảo phục vụ cho việc học 2 buổi/ngày; có hệ thống nước máy được lọc sạch đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho CB, GV, HS. Có đầy đủ công trình vệ sinh tự hoại, đặt vị trí thích hợp, luôn được vệ sinh sạch sẽ, nhà để xe rộng, thoáng, an toàn, có nhân mĩ phục vụ tốt cho CB, GV, nhân viên và HS để phương tiện. Khối phòng học, phòng chức năng được trang bị đầy đủ bàn ghế, trang thiết bị máy vi tính, ti vi, đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học 2 buổi/ngày. Cơ sở vật chất, tài sản của đơn vị được quản lý chặt chẽ, các nguồn kinh phí được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đúng nguyên tắc tài chính. Thực hiện đầy đủ việc công khai và kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành.

Trường đã đạt trường Chuẩn Quốc Gia Mức độ 1 năm 2003; Năm học 2022-2023 được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng đạt cấp độ 2.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			37						11	23	21	16		
I	Giáo viên	31			31						10	21	18	13		
1	Trong đó số giáo viên cơ bản:	24			24						6	18	16	8		
2	Tiếng dân tộc															
3	Ngoại ngữ	3			3						1	2	1	2		

4	Âm nhạc	1		1				1		1					
5	Mỹ thuật	2		2				1	1		2				
6	Thể dục	1		1				1			1				
7	Cán bộ quản lý	3		3				1	2	3					
II	Hiệu trưởng	1		1				1	1						
1	Phó hiệu trưởng	2		2				1	1	2					
2	Nhân viên	3		3											
III	Nhân viên văn thư														
1	Nhân viên kế toán	1		1											
2	Thủ quỹ														
3	Nhân viên y tế														
4	Nhân viên thư viện	1		1											
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1											
6	Nhân viên công nghệ thông tin														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Cơ sở vật chất-diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	24/24	30 học sinh/lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	1.2 m ² /học sinh

2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhỏ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	1	28 học sinh/lớp
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	21767 m ²	31,14 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	8700m ²	12,4 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1200m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	55 m ² /1 phòng	
2	Diện tích thư viện (m ²)	96 m ² x2p	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50 x2 P	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	55 x2 P	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	45x2P	
8	Diện tích phòng MT thuật (m ²)	50	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	55	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	24	1 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	5 bộ/5 lớp
1.2	Khối lớp 2	5	5 bộ/ 5 lớp

1.3	Khối lớp 3	5	5 bộ/5 lớp
1.4	Khối lớp 4	5	5bộ/ 5 lớp
1.5	Khối lớp 5	4	4bộ/4 lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	33	
1	Ti vi	27	
2	Bảng tương tác	1	
3	Loa + Tủng Âm	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	x	

2	Chưa đạt chuẩn về sinh*				
		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có			
XVII	Kết nối internet	Có			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có			
XIX	Tường rào xây	Có			

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Toán tập 1	2	5
2	Toán tập 2	2	5
3	Tiếng Việt tập 1	2	5
4	Tiếng Việt tập 2	2	5
5	Tự nhiên và xã hội	2	5
6	Hoạt động trải nghiệm	2	5
7	Giáo dục thể chất	2	5
8	Âm nhạc	2	5
9	Mỹ thuật	2	5
10	Đạo đức	2	5
11	Tiếng Anh	2	5
12	Vở bài tập toán tập 1	2	5

13	Vở bài tập toán tập 2	2	5
14	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1	2	5
15	Vở bài tập Tiếng Việt tập 2	2	5
16	Vở bài tập đạo đức	2	5
17	Vở bài tập tự nhiên và xã hội	2	5
18	Vở bài tập hoạt động trải nghiệm	2	5
19	Vở bài tập âm nhạc	2	6
20	Vở bài tập mỹ thuật	2	5
21	Sách bài tập Tiếng Anh		2
	TỔNG	40	103

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Toán tập 1	2	5
2	Toán tập 2	2	5
3	Tiếng Việt tập 1	2	5
4	Tiếng Việt tập 2	2	5
5	Tự nhiên và xã hội	2	5
6	Hoạt động trải nghiệm	2	5
7	Giáo dục thể chất	2	5
8	Âm nhạc	2	5
9	Mỹ thuật	2	5
10	Đạo đức	2	5
11	Tiếng Anh	2	5
12	Vở bài tập toán tập 1	2	5
13	Vở bài tập toán tập 2	2	5
14	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1	2	5
15	Vở bài tập Tiếng Việt tập 2	2	5

16	Vở bài tập đạo đức	2	5
17	Vở bài tập tự nhiên và xã hội	2	5
18	Vở bài tập hoạt động trải nghiệm	2	5
19	Vở bài tập âm nhạc	2	6
20	Vở bài tập mỹ thuật	2	5
21	Sách bài tập Tiếng Anh		2
	TỔNG	40	103

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Toán tập 1	3	5
2	Toán tập 2	3	5
3	Tiếng Việt tập 1	3	5
4	Tiếng Việt tập 2	3	5
5	Tự nhiên và xã hội	3	5
6	Hoạt động trải nghiệm	3	5
7	Giáo dục thể chất	3	5
8	Âm nhạc	3	5
9	Mỹ thuật	3	5
10	Đạo đức	3	5
11	Công nghệ	3	3
12	Tin học	2	1
13	Tiếng Anh	3	5
14	Vở bài tập toán tập 1	3	5
15	Vở bài tập toán tập 2	3	5
16	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1	3	5
17	Vở bài tập Tiếng Việt tập 2	3	5
18	Vở bài tập đạo đức	3	5

19	Vở bài tập tự nhiên và xã hội	3	5
20	Vở bài tập hoạt động trải nghiệm	3	5
21	Vở bài tập âm nhạc	3	6
22	Vở bài tập mỹ thuật	3	5
23	Vở bài tập công nghệ	3	5
24	Vở bài tập tin học	2	1
25	Sách bài tập Tiếng Anh		2
	TỔNG	70	113

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Toán tập 1	3	5
2	Toán tập 2	3	5
3	Tiếng Việt tập 1	3	5
4	Tiếng Việt tập 2	3	5
5	Hoạt động trải nghiệm	3	5
6	Giáo dục thể chất	3	5
7	Âm nhạc	3	5
8	Mỹ thuật	3	5
9	Đạo đức	3	5
10	Công nghệ	3	3
11	Khoa học	3	5
12	Lịch sử và địa lý	3	5
13	Tin học	2	1
14	Tiếng Anh	3	5
15	Vở bài tập toán tập 1	3	5
16	Vở bài tập toán tập 2	3	5
17	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1	3	5

18	Vở bài tập Tiếng Việt tập 2	3	5
19	Vở bài tập đạo đức	3	5
20	Vở bài tập hoạt động trải nghiệm	3	5
21	Vở bài tập âm nhạc	3	6
22	Vở bài tập mỹ thuật	3	5
23	Vở bài tập công nghệ	3	5
24	Vở bài tập khoa học	3	5
25	Vở bài tập lịch sử và địa lý	3	3
26	Vở bài tập tin học	2	1
27	Sách bài tập Tiếng Anh		2
	TỔNG	70	121

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Toán tập 1	2	5
2	Toán tập 2	2	5
3	Tiếng Việt tập 1	2	5
4	Tiếng Việt tập 2	2	5
5	Hoạt động trải nghiệm	2	5
6	Giáo dục thể chất	5	5
7	Âm nhạc	5	5
8	Mỹ thuật	4	5
9	Đạo đức	2	5
10	Công nghệ	2	5
11	Khoa học	2	5
12	Lịch sử và địa lý	2	5
13	Tin học	2	1
14	Tiếng Anh		2

15	Vở bài tập toán tập 1	2	5
16	Vở bài tập toán tập 2	2	5
17	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1	2	5
18	Vở bài tập Tiếng Việt tập 2	2	5
19	Vở bài tập đạo đức	2	5
20	Vở bài tập hoạt động trải nghiệm	2	5
21	Vở bài tập âm nhạc	5	1
22	Vở bài tập mỹ thuật	4	2
23	Vở bài tập công nghệ	2	5
24	Vở bài tập khoa học	2	5
25	Vở bài tập lịch sử và địa lý	2	5
26	Vở bài tập tin học	2	1
27	Sách bài tập Tiếng Anh		2
	TỔNG	62	114

DANH MỤC SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 1

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Sách giáo viên toán tập 1	2	5
2	Sách giáo viên toán tập 2	2	5
3	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 1	2	5
4	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 2	2	5
5	Sách giáo viên tự nhiên và xã hội	2	5
6	Sách giáo viên hoạt động trải nghiệm	2	5
7	Sách giáo viên giáo dục thể chất	2	5
8	Sách giáo viên âm nhạc	2	5
9	Sách giáo viên mỹ thuật	2	5
10	Sách giáo viên đạo đức	2	5
11	Sách giáo viên Tiếng Anh		2

12	Sách giáo viên		
	TỔNG	20	52

DANH MỤC SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 2

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Sách giáo viên toán tập 1	2	5
2	Sách giáo viên toán tập 2	2	5
3	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 1	2	5
4	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 2	2	5
5	Sách giáo viên tự nhiên và xã hội	2	5
6	Sách giáo viên hoạt động trải nghiệm	2	5
7	Sách giáo viên giáo dục thể chất	2	5
8	Sách giáo viên âm nhạc	2	5
9	Sách giáo viên mỹ thuật	2	5
10	Sách giáo viên đạo đức	2	5
11	Sách giáo viên Tiếng Anh		2
12	Sách giáo viên Tin học	1	1
	TỔNG	21	52

DANH MỤC SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 3

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Sách giáo viên toán tập 1	3	5
2	Sách giáo viên toán tập 2	3	5
3	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 1	3	5
4	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 2	3	5
5	Sách giáo viên tự nhiên và xã hội	3	5
6	Sách giáo viên hoạt động trải nghiệm	3	5
7	Sách giáo viên giáo dục thể chất	3	5

8	Sách giáo viên âm nhạc	3	5
9	Sách giáo viên mỹ thuật	3	5
10	Sách giáo viên đạo đức	3	5
11	Sách giáo viên công nghệ	3	3
12	Sách giáo viên tin học	2	1
13	Sách giáo viên Tiếng Anh		2
	TỔNG	35	56

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Sách giáo viên Toán tập 1	3	5
2	Sách giáo viên Toán tập 2	3	5
3	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 1	3	5
4	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 2	3	5
5	Sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm	3	5
6	Sách giáo viên Giáo dục thể chất	3	5
7	Sách giáo viên Âm nhạc	3	5
8	Sách giáo viên Mỹ thuật	3	5
9	Sách giáo viên Đạo đức	3	5
10	Sách giáo viên Công nghệ	3	3
11	Sách giáo viên Khoa học	3	5
12	Sách giáo viên Lịch sử và địa lý	3	5
13	Sách giáo viên Tin học	2	1
14	Sách giáo viên Tiếng Anh		2
15	TỔNG	38	61

DANH MỤC SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5

TT	Tên sách	Sách có trong thư viện	Sách dành cho giáo viên
1	Sách giáo viên toán tập 1	2	5
2	Sách giáo viên toán tập 2	2	5
3	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 1	2	5
4	Sách giáo viên Tiếng Việt tập 2	2	5
5	Sách giáo viên hoạt động trải nghiệm	2	5
6	Sách giáo viên giáo dục thể chất	5	1
7	Sách giáo viên âm nhạc	5	1
8	Sách giáo viên mỹ thuật	4	2
9	Sách giáo viên đạo đức	2	5
10	Sách giáo viên công nghệ	2	5
11	Sách giáo viên khoa học	2	5
12	Sách giáo viên lịch sử và địa lý	2	5
13	Sách giáo viên tin học	2	1
14	Sách giáo viên Tiếng Anh		2
	TỔNG	34	52

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC^s

1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả		
		Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X

Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X

Tiêu chí 5.4	X	X	X
Tiêu chí 5.5	X	X	X

2. Kết quả: Trường đạt kiểm định cấp độ 2

3. Điểm mạnh:

Trên cơ sở tự đánh giá theo bộ tiêu chí, Hội đồng đánh giá trường Tiêu học Văn Thành rút ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường trong mỗi hoạt động như sau:

- Về hoạt động dạy học: Nhà trường đã chủ động trong kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học, phát triển năng khiếu cho học sinh. Tạo môi trường làm việc thân thiện, có trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên. Công tác quản lý khoa học, chặt chẽ. Công tác tham gia tích cực vào hoạt động dạy học. Công tác đánh giá học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan. Trường chú trọng chất lượng dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo quan tâm đến chất lượng của các đối tượng học sinh trong lớp. Chỉ đạo giáo viên chủ động linh hoạt trong dạy học, thực hiện dạy phân hoá trong từng tiết học, buổi học; chú trọng các tiết tự học có hướng dẫn của giáo viên nhằm phát huy có hiệu quả năng lực của mỗi học sinh. Ngoài ra, nhà trường đã giao công tác tự chủ cho giáo viên trong việc xây dựng thời khoá biểu, trường còn động viên giáo viên vận dụng CNTT trong dạy học để phù hợp với tình hình giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Về hoạt động học tập và rèn luyện: Học sinh được học tập và rèn luyện trong môi trường giáo dục thân thiện. Các quyền của học sinh được đảm bảo theo Điều lệ Trường Tiểu học. Học sinh được học các môn học theo quy định; các môn học tự chọn; được giúp đỡ phát triển năng khiếu của bản thân; được giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, phù hợp với địa phương. Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Đặc biệt là đối với những em có hoàn cảnh đặc biệt hay những học sinh khuyết tật học hoà nhập được nhà trường động viên, khuyến khích tham gia học tập; các em được giúp đỡ về vật chất và tinh thần để hoà nhập với bạn bè, cùng tham gia các hoạt động phù hợp với bản thân, có hiệu quả.

- Về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị: Với diện tích hiện tại là 21767 m² nhà trường đã có diện tích mặt bằng đạt chuẩn, đủ cơ sở vật chất để phục vụ dạy học hai buổi/ngày, có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất nên phòng học luôn đảm bảo đủ duy trì tốt các hoạt động giáo dục.

- Về công tác quản lý tài chính: Nhà trường đã cấp nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho Cán bộ, Giáo viên; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hàng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu chi

đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán. Hồ sơ đảm bảo, lưu giữ cẩn thận, khoa học.

- Về tổ chức bộ máy và công tác quản lý điều hành: Lãnh đạo quản lý nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý vững vàng; có đủ các tổ chức đoàn thể, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của Giáo viên và học sinh.

- Về công tác xây dựng môi trường giáo dục: Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, xây dựng cảnh quan xanh, sạch, thoáng đãng; luôn chủ trương và có biện pháp đảm bảo an ninh, không có bạo lực, không có tệ nạn xã hội; không có hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Về xây dựng quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội: Đây là vấn đề được nhà trường quan tâm và chú trọng cho nên đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm phối hợp tốt để giáo dục học sinh phát triển toàn diện nhân cách và thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh tiểu học trong giai đoạn mới.

4. Điểm yếu: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại chưa thật đầy đủ; hệ thống cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu tối đa các hoạt động nhà trường. Hiện nay, đang thiếu các phòng học chức năng tại khu vực 1. Khó phòng hành chính quản trị tại khu vực 1 xuống cấp.

Một bộ phận nhỏ gia đình học sinh đông con nên các em chưa được sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình vì vậy kết quả học tập chưa cao, chữ viết chưa đẹp.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu tăng cường công tác kiểm tra đánh giá chất lượng của các lớp, dự giờ thăm lớp các bộ môn có chất lượng còn thấp để giúp đỡ giáo viên tháo gỡ những hạn chế về công tác phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, tình trạng học sinh lười học... Giao cho giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập cụ thể. Tổ chức bồi dưỡng và phụ đạo trong các tiết học.

Từ năm học 2025-2026 giao chỉ tiêu cụ thể cho GV chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch và đề xuất các biện pháp cụ thể, đẩy mạnh dạy học phân hóa đối tượng học sinh, tăng cường công tác hỗ trợ học sinh có khó khăn về học ngay trong từng tiết học nhằm khắc phục điểm yếu; Phân đầu năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo không còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Tiếp tục tham mưu với UBND xã hoàn thiện hồ sơ để xây mới các phòng chức năng thuộc dãy nhà 2 tầng tại khu vực 1 trong năm 2025-2026 để đáp ứng yêu cầu mới theo thông tư số 13/2020/TT – BGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:-Số học sinh lớp 1 tuyển sinh đầu năm học: 121 em

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế đầu năm học 2024-2025

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Sinh năm 2018	Sinh năm 2017	Sinh năm 2016	Sinh năm 2015	Sinh năm 2014
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CTGDPT	CTGDPT	CTGDPT	CTGDPT	CTGDPT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối kết hợp chặt chẽ, trao đổi hàng ngày	Phối kết hợp chặt chẽ, trao đổi hàng ngày	Phối kết hợp chặt chẽ, trao đổi hàng ngày	Phối kết hợp chặt chẽ, trao đổi hàng ngày	Phối kết hợp chặt chẽ, trao đổi hàng ngày
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	HDNGLL	HDNGLL	HDNGLL	HDNGLL	HDNGLL
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đủ sức khỏe, HTTNVHS, lên lớp 2	Đủ sức khỏe, HTTNVHS, lên lớp 3	Đủ sức khỏe, HTTNVHS, lên lớp 4	Đủ sức khỏe, HTTNVHS, lên lớp 5	Đủ sức khỏe, HTTNVHS, HTCTTH
VI	Kiến năng học tập tiếp tục của học sinh	Tiếp tục học lên	Tiếp tục học lên	Tiếp tục học lên	Tiếp tục học lên	Tiếp tục học lên

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cuối năm học 2023-2024

(Chất lượng học sinh năm học 2023-2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	701	147	151	161	122	120
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	701	147	151	161	122	120
III	Số học sinh chia theo kết quả học tập	701	147	151	161	122	120
1	Hoàn thành xuất sắc (tỉ lệ so với tổng số)	288/701 =41%	71/147 =48,2%	60/151 =39,7%	60/161 =37,2%	52/122 =42,6%	45/120 =37,5%
2	Hoàn thành tốt (tỉ lệ so với tổng số)	219/701 =31,2%	40/147 =27,2%	48/151 =31,7%	52/161 =32,3%	32/122 =39%	47/120 =39,2%
3	Hoàn thành (tỉ lệ so với tổng số)	189/701 =27,1%	35/147 =23,8%	41/151 =27,1%	47/161 =29,1%	38/122 =31,1%	28/120 =23,3%
4	Chưa hoàn thành (tỉ lệ so với tổng số)	5/701 =0,7%	1/147 =0,7%	2/151 =1,3%	2/161 =1,2%	0	0
IV	Tổng hợp kết quả cuối năm	701	147	151	161	122	120
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	696/701 =99,3%	146/147 =99,3%	149/151 =98,7%	159/161 =98,8%	122/122 =100%	120/120 =100%
2	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	507/701 =72,3%	111/147 =75,5%	108/151 =71,5%	112/161 =69,5%	84/122 =68,8%	92/120 =76,6%
3	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	3/701 =0,4%				1/122 =0,8%	2/120 =1,6%
4	Ở lại lớp(tỷ lệ so với tổng số)	5/701 =0,7%	1/147 =0,7%	2/151 =1,3%	2/161 =1,2%	0	0

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế đầu năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	699	122	144	151	161	121
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	699	122	144	151	161	121
III	Số học sinh chia theo kết quả học tập	699	122	144	151	161	121
I	Hoàn thành xuất sắc (tỉ lệ so với tổng số)	300/699 =43%	54/122 =44,2%	64/144 =44,4%	66/151 =43,7%	67/161 =41,6%	49/121 =40,5%
2	Hoàn thành tốt (tỉ lệ so với tổng số)	177/699 =25,3%	33/122 =27,05%	32/144 =22,2%	35/151 =23,2%	45/161 =27,9%	32/121 =26,4%
3	Hoàn thành (tỉ lệ so với tổng số)	220/699 =31,5%	33/122 =27,1%	48/144 =33,3%	50/151 =33,1%	49/161 =30,5%	40/121 =33,1%
4	Chưa hoàn thành (tỉ lệ so với tổng số)	2/699 =0,3%	2/122 =1,6%				
IV	Tổng hợp kết quả cuối năm	699	122	144	151	161	121
I	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)	697/699 =99,7%	120/122 =98,4%	144/144 =100%	151/151 =100%	161/161 =100%	121/121 =100%
2	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỉ lệ so với tổng số)	477/699 =68,2%	87/122 =71,3%	96/144 =66,7%	101/151 =66,9%	112/161 =69,5%	81/121 =66,9%
3	HS được cấp trên khen thưởng (tỉ lệ so với tổng số)	4/699 =0,6%					4/121 =3,3%
4	Ở lại lớp (tỉ lệ so với tổng số)	2/699 =0,3%	2/122 =1,6%				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDBT ngày 3/6/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống quốc dân.

Trường TH Văn Thành công khai tài chính gồm: Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.

Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025.

Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý

Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập năm 2025.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

A. Kết quả chất lượng học sinh:

- Học sinh lên lớp thăng: 702 /703, đạt tỉ lệ 99.8 %

- Học sinh HTCTTH: 119/119 em, đạt tỉ lệ 100%

- Học sinh được khen thưởng cấp trường theo TT 27: 522/703, đạt tỉ lệ 74.2 %. Trong

đó: -Học sinh Xuất sắc: 306/703 em, đạt tỉ lệ 43.5 %. -Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 216/703 em, tỉ lệ 30,7 %

*Hiệu quả đào tạo:

+ Tổng số HS sinh năm 2014: vào lớp 1 cách đây 5 năm có 117 em Trong đó:

+ Tổng số HS HTCTTH: 115 em

+ Hiệu quả đào tạo: 115/117, đạt tỉ lệ 98.3 %

* Về kết quả các cuộc giao lưu:

+ Toán tuổi thơ cấp huyện: 3 em đạt giải, Trong đó có 1 giải nhì và 2 giải khuyến khích.

+ Dấu trường Toán học cấp tỉnh: 9 em đạt giải, trong đó có 1 em đạt giải Bạc; có 2 em đạt giải Đồng; có 6 em đạt giải Khuyến khích.

+ Trường Nguyễn Tiếng Việt cấp tỉnh: có 5 đạt giải, trong đó có 2 Nhì; có 3 khuyến khích.

+ TOEFL Tiếng Anh cấp tỉnh: có 10 em đạt giải, trong đó có 1 em đạt B1; có 5 em đạt A2, Có 4 em đạt A1.

+ Trường Nguyễn Tiếng Việt: Có 21 em đạt giải

+ Dấu trường Toán học cấp tỉnh: có 25 em đạt cấp huyện

B* Về chất lượng đội ngũ giáo viên năm học 2024-2025:

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện (Bảo lưu): Có 2 người

- Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 2 người

- Sáng kiến kinh nghiệm Cấp huyện: 6 bản

- Hồ sơ giáo viên: 31/31 đạt yêu cầu

*- Xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo chuẩn 14, giáo viên theo chuẩn Nghề nghiệp TT 20:

+ TS quản lý: 3 người; TS GV: 31 người

+ Tốt: $21/34 = 61.7\%$ + Khá: $13/34 = 39,4\%$

*- Phân loại viên chức:

Tổng số 37 người, trong đó:

+ Hoàn thành Xuất sắc NV: $8/37 = 21.6\%$

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: $29/37 = 78.4\%$

* Danh hiệu thi đua cuối năm:- Lao động tiên tiến: $37/37 = 100\%$;

C*Đề nghị cấp trên khen thưởng:

- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 6/37

- Chủ tịch UBND huyện khen : 3 người/37

- LLDL huyện tặng giấy khen: 1

- Liên Đội: Vững mạnh Xuất sắc

- Trường: Tập thể Lao động Xuất sắc

- Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

* Lớp tiên tiến: Đạt 100% (24/24 lớp).

Trong đó 6 lớp đạt lớp Xuất sắc:

- Tổ Lao động Xuất sắc: Tổ 2; Tổ tiên tiến: Tổ 1

Văn Thành, ngày 31 tháng 5 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)


Phan Thị Hiền